

TĐTC 21

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S ...
	Ngày: 31/3/2021

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP) về lĩnh vực đầu tư, quy mô dự án PPP; Hội đồng thẩm định dự án PPP; các nội dung trong chuẩn bị dự án PPP; lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP; xác nhận hoàn thành và chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; chấm dứt hợp đồng dự án PPP; xử lý tình huống, xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức PPP.

Điều 2. Lĩnh vực đầu tư, quy mô dự án PPP

1. Giao thông vận tải

- Lĩnh vực: đường bộ; đường sắt; đường thủy nội địa; hàng hải; hàng không;
- Quy mô đầu tư: dự án có tổng mức đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên.

2. Lưới điện, nhà máy điện

- Lĩnh vực: năng lượng tái tạo; nhiệt điện than; nhiệt điện khí (bao gồm cả khí tự nhiên hóa lỏng - LNG); điện hạt nhân; lưới điện; trừ các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực;

b) Quy mô đầu tư: dự án có tổng mức đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên; riêng dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo có tổng mức đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

3. Lĩnh vực thủy lợi; cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải: quy mô dự án có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.

4. Y tế

a) Lĩnh vực: cơ sở khám chữa bệnh; y tế dự phòng; kiểm nghiệm;

b) Quy mô đầu tư: dự án có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên.

5. Giáo dục - đào tạo

a) Lĩnh vực: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp;

b) Quy mô đầu tư: dự án có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên.

6. Hạ tầng công nghệ thông tin

a) Lĩnh vực: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, trung tâm dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng; hệ thống ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) cho đô thị thông minh;

b) Quy mô đầu tư: dự án có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.

Điều 3. Lưu trữ hồ sơ trong đầu tư theo phương thức PPP

1. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức lưu trữ hồ sơ của các hoạt động sau đây:

a) Trình, thẩm định, quyết định và quyết định điều chỉnh (nếu có) chủ trương đầu tư dự án PPP;

b) Trình, thẩm định, quyết định phê duyệt và quyết định phê duyệt điều chỉnh (nếu có) dự án PPP;

c) Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư và bên cho vay (nếu có);

d) Ký kết hợp đồng dự án PPP, phụ lục hợp đồng (nếu có);

đ) Giải ngân vốn nhà nước trong dự án PPP nếu có sử dụng;

- e) Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;
- g) Thanh lý hợp đồng và chuyển giao tài sản dự án;
- h) Các hoạt động khác theo quy định tại hợp đồng dự án.

2. Bên mời thầu có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của các hoạt động sau đây:

- a) Trình, thẩm định, quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu và tài liệu làm rõ;
- b) Đánh giá, làm rõ (nếu có) hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự đàm phán, hồ sơ dự thầu;
- c) Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

3. Thời hạn lưu trữ:

- a) Hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, h khoản 1 và khoản 2 Điều này được lưu trữ tối thiểu 05 năm sau khi thanh lý hợp đồng dự án PPP;
- b) Hồ sơ quy định tại điểm d và điểm g khoản 1 Điều này được lưu trữ tối thiểu 10 năm sau khi thanh lý hợp đồng dự án PPP.

Điều 4. Đăng tải thông tin về PPP

1. Trách nhiệm đăng tải thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia:

- a) Cơ quan có thẩm quyền đăng tải thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 và Điều 25 của Luật PPP, thông tin khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư quy định tại Điều 25 của Nghị định này;
- b) Bên mời thầu đăng tải thông tin quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật PPP và các thông tin liên quan đến việc thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có);
- c) Cơ quan ký kết hợp đồng đăng tải thông tin quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1 Điều 9 của Luật PPP;
- d) Đối với thông tin quy định tại điểm e khoản 1 Điều 9 của Luật PPP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đăng tải văn bản do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành; Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng tải văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành;
- đ) Nhà đầu tư đăng tải và cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình vào cơ sở dữ liệu nhà đầu tư theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 9 của Luật PPP;

e) Cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo cung cấp thông tin về quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 9 của Luật PPP cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải. Nội dung đăng tải tuân thủ quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

g) Cơ quan giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm đăng tải kết quả giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư, quyết định xử lý vi phạm về đầu tư theo phương thức PPP theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 9 của Luật PPP.

2. Thời hạn đăng tải thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia:

a) Đối với thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật PPP, căn cứ tiến độ thực hiện dự án, bên mời thầu tự xác định thời điểm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Đối với danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật PPP, bên mời thầu chịu trách nhiệm đăng tải phải bảo đảm thời điểm đăng tải thông tin không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành;

c) Đối với thông tin theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 9 của Luật PPP, cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm đăng tải phải bảo đảm thời điểm đăng tải thông tin không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Đối với thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, việc công khai thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Thông báo mời sơ tuyển quốc tế, thông báo mời thầu quốc tế, thông tin về việc thay đổi thời điểm đóng thầu tương ứng (nếu có) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật PPP phải được đăng tải bằng tiếng Việt và tiếng Anh lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 5. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về PPP

1. Hệ thống thông tin về PPP là hệ thống công nghệ thông tin do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và quản lý, nhằm mục đích thống nhất quản lý thông tin về PPP, bao gồm thông tin về hoạt động đầu tư theo phương thức PPP, cơ sở dữ liệu về PPP trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và thông tin khác có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu về PPP trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về dự án PPP;

b) Cơ sở dữ liệu về hợp đồng dự án PPP;

c) Cơ sở dữ liệu về nhà đầu tư PPP;

d) Cơ sở dữ liệu có liên quan khác về PPP.

3. Xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về PPP:

a) Cơ sở dữ liệu về PPP được bảo đảm an toàn thông tin, toàn vẹn dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, tiếp nhận thông tin giữa cơ sở dữ liệu về PPP và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của cơ quan nhà nước;

b) Cơ quan quản lý nhà nước được truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về PPP theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được khai thác cơ sở dữ liệu về PPP theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Kinh phí cho việc xây dựng, quản lý, nâng cấp hệ thống thông tin về PPP, cơ sở dữ liệu về PPP được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 6. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP

1. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP theo định kỳ hằng năm của bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo của kỳ báo cáo. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trong việc tiếp nhận, quản lý, đánh giá, tổng kết thông tin về tình hình hoạt động đầu tư theo phương thức PPP và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hằng năm.

2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tình hình triển khai thực hiện dự án PPP: thông tin cơ bản về các dự án PPP; tiến độ chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư; tình hình thực hiện hợp đồng dự án PPP;

b) Việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP;

c) Tình hình bố trí bộ máy nhân sự thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP;

d) Kết quả đạt được, tồn tại, khó khăn, thách thức, nguyên nhân và kiến nghị giải pháp.